

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUẬN CẨM LỆ TP ĐÀ NẴNG
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2025/DS-ST

Ngày: 29-4-2025

“V/v Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trình

Ông Mai Văn Du

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Vân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Sương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 327/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024 về *“Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2025/QĐXXST-DS ngày 04/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2025/QĐST-DS ngày 17/4/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP L; địa chỉ: Số 40-44 T, phường Vĩnh Thanh V, thành phố Rạch G, tỉnh Kiên G. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trung V – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc. Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị H – Chức danh: Phó Giám đốc phòng xử lý nợ. Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ liên hệ: Số 222 Hùng V, phường Hải C, quận Hải C, TP.Đà Nẵng hoặc ông Mai Đăng A hoặc bà Nguyễn Thị Tuyết S; cùng địa chỉ liên hệ: Số 158-160 Nguyễn Văn L, phường Vĩnh T, quận Thanh K, TP.Đà Nẵng (theo Quyết định ủy quyền số 2172/QĐ-NHKL ngày 06/8/2024, Quyết định ủy quyền số 390/QĐ-NHKL ngày 30/01/2024; Quyết định ủy quyền số 3366/QĐ-NHKL và số 3368A cùng ngày 21/8/2023); ông A có mặt.

Bị đơn: Bà Mai Thị N, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 3 (tổ cũ 24C), phường Hòa P, quận Cẩm L, thành phố Đà Nẵng; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/6/2024, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP L, ông Mai Đăng Á trình bày:

Ngày 18/10/2017 Ngân hàng TMCP L (sau đây gọi tắt là: Ngân hàng) với bà Mai Thị N có ký Giấy đăng ký phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank số: 274/17/TC/0502-2978 (sau đây gọi tắt là: Hợp đồng), hạn mức: 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), thời hạn sử dụng thẻ: 36 tháng, mục đích: tiêu dùng cá nhân, lãi suất cho vay và lãi suất quá hạn 22%/năm, phí, vay tín chấp. Lãi và các loại phí được thỏa thuận tại Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank kèm Quy định Biểu lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam và đô la Mỹ tại Ngân hàng TMCP L ban hành kèm Quyết định số 2189/QĐ-NHKL ngày 10/7/2017 (sau đây gọi tắt là: Bản chấp thuận kèm Biểu lãi).

Trong thời gian thực hiện thỏa thuận sử dụng thẻ, bà Mai Thị N đã thực hiện nhiều lần giao dịch với tổng số tiền 64.770.350 đồng, bà N đã trả được số tiền 14.925.480 đồng, còn nợ lại số tiền 49.844.870 đồng (ngày giao dịch cuối cùng là 23/3/2018). Đến ngày 10/5/2018 thì khoản vay của bà N chuyển thành nợ quá hạn, dự nợ gốc của bà N là 49.844.870 đồng. Từ đó đến nay bà N không thanh toán tiền gốc và lãi, phí cho ngân hàng. Mặc dù ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, tạo điều kiện trả nợ nhưng bà N vẫn không hợp tác, hứa hẹn nhiều lần nhưng không thực hiện việc trả nợ.

Tạm tính đến ngày 29/4/2025, bà Mai Thị N còn nợ ngân hàng số tiền 270.910.179 đồng; trong đó: Nợ gốc: 49.844.870 đồng, nợ lãi: 83.712.295 đồng, nợ phí: 137.353.014 đồng.

Theo đơn khởi kiện ngân hàng yêu cầu trả số tiền gốc, lãi và phí. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Xin rút yêu cầu tính phí số tiền 137.353.014 đồng đối với bị đơn bà N. Giữa nguyên yêu cầu buộc bà N trả tiền gốc và tiền lãi, cụ thể:

Ngân Hàng TMCP L đề Tòa án giải quyết: Buộc bà Mai Thị N phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ là: 133.557.165 đồng tạm tính đến ngày 29/4/2025; trong đó: Nợ gốc: 49.844.870 đồng, nợ lãi: 83.712.295 đồng. Buộc bà Mai Thị N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/4/2025 cho đến khi bà N trả hết nợ, mức lãi suất được quy định tại Bản chấp thuận kèm Biểu lãi.

Bị đơn bà Mai Thị N trình bày: Bà N xác nhận có ký Giấy đăng ký phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank số 274/17/TC/0502-2978 với Ngân Hàng TMCP L vào ngày 18/10/2017, hạn mức: 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), thời hạn sử dụng thẻ: 36 tháng, mục đích: tiêu dùng cá nhân, lãi suất cho vay và lãi suất quá hạn 22%/năm, phí. Do bà không trực tiếp sử dụng thẻ trên nên bà không giao dịch rút tiền trong thẻ mà do người tên Hùng sử dụng thẻ (bà không biết nhân thân lai lịch cụ thể của ông Hùng, nhưng nghe thông tin là ông Hùng đã chết). Tuy nhiên, bà xác nhận mở thẻ

và vay số tiền trên của ngân hàng. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà chưa có trả nợ được cho ngân hàng. Nay, Ngân Hàng TMCP L khởi kiện bà đòi số tiền 133.557.165 đồng tạm tính đến ngày 29/4/2025; trong đó: Nợ gốc: 49.844.870 đồng, nợ lãi: 83.712.295 đồng, bà đồng ý trả lại số tiền gốc; đối với tiền lãi bà xin Ngân Hàng TMCP L cho bà trả 10.000.000đ (mười triệu đồng). Đối với tiền phí Ngân hàng xin rút bà đồng ý và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 100, Điều 103, Điều 210 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ 08/2016.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP L, buộc bị đơn bà Mai Thị N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP L số tiền gốc: 49.844.870 đồng, lãi phát sinh đến ngày xét xử ngày 29/4/2025 là: 76.430.621 đồng; tổng số tiền là: 126.275.491đ (một trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi lăm ngàn, bốn trăm chín mươi một đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu tính số tiền lãi 7.281.674đ (bảy triệu, hai trăm tám mươi một ngàn, sáu trăm bảy mươi bốn đồng) của nguyên đơn Ngân hàng TMCP L.

Đối với tiền phí 137.353.014 đồng, Ngân hàng TMCP L xin rút nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu giải quyết số tiền này.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sở thẩm ngày 30/4/2025, bà Mai Thị N còn phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh tương ứng với số tiền nợ theo lãi suất quy định tại Bản chấp thuận kèm Biểu lãi cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn, nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng”. Bị đơn bà Mai Thị N có nơi cư trú tại: Phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ngân hàng Ngân Hàng TMCP L khởi kiện bà

bà Mai Thị N, yêu cầu Tòa án buộc bà Mai Thị N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP L tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/4/2025 là 133.557.165đ (một trăm ba mươi ba triệu, năm trăm năm mươi bảy ngàn, một trăm sáu mươi lăm đồng); trong đó: Nợ gốc: 49.844.870 đồng, nợ lãi: 83.712.295 đồng. Đồng thời, buộc bà Mai Thị N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/4/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất, phí được quy định tại Bản chấp thuận kèm Biểu lãi.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Ngân Hàng TMCP L và ý kiến của bị đơn bà Mai Thị N thì thấy:

[2.1] Xét về số tiền nợ gốc thì thấy:

Ngân Hàng TMCP L và bà Mai Thị N xác định: Ngày 18/10/2017 Ngân hàng với bà Mai Thị N có ký Giấy đăng ký phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank số 274/17/TC/0502-2978, hạn mức: 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), thời hạn sử dụng thẻ: 36 tháng, mục đích: tiêu dùng cá nhân, lãi suất cho vay và lãi suất quá hạn 22%/năm, phí, vay tín chấp. Lãi và các loại phí được thỏa thuận tại Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank kèm Quy định Biểu lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam và đô la Mỹ tại Ngân hàng TMCP L ban hành kèm Quyết định số 2189/QĐ-NHKL ngày 10/7/2017. Quá trình sử dụng thẻ bà N đã thực hiện nhiều lần giao dịch, ngày giao dịch rút tiền cuối cùng là ngày 23/3/2018 với tổng số tiền 64.770.350đ (sáu mươi bốn triệu, bảy trăm bảy mươi ngàn, ba trăm năm mươi đồng), bà N đã trả được số tiền 14.925.480đ (mười bốn triệu, chín trăm hai mươi lăm ngàn, bốn trăm tám mươi đồng), tính đến ngày 29/4/2025 bà N còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 49.844.870đ (bốn mươi chín triệu, tám trăm bốn mươi bốn ngàn, tám trăm bảy mươi đồng). Ngân hàng và bà N xác định bà N còn nợ số tiền trên, việc xác định số tiền nợ của các đương sự phù hợp với tài liệu chứng cứ. Do đó, khởi kiện của ngân hàng yêu cầu bà N trả số tiền gốc 49.844.870 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét về số tiền lãi thì thấy: Ngân hàng TMCP L yêu cầu Tòa án buộc bà N phải thanh toán khoản tiền lãi tạm tính đến ngày 29/4/2025 là 83.712.295 đồng.

Hội đồng xét xử thấy: Theo hợp đồng và Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank kèm Quy định Biểu lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam và đô la Mỹ tại Ngân hàng TMCP L ban hành kèm Quyết định số 2189/QĐ-NHKL ngày 10/7/2017, các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn và quá hạn áp dụng là 22%/năm. Ngày 10/5/2018 khoản nợ bà N bắt đầu vi phạm và chuyển thành quá hạn, tính từ ngày vi phạm đến ngày xét xử 29/4/2025 là: 06 năm 11 tháng 19 ngày (tương đương 2.544 ngày). Vậy, số tiền lãi bà N phải trả cho ngân hàng là: $49.844.870đ \times 2.544 \text{ ngày} = 76.430.621 \text{ đồng}$.

Như vậy, số tiền lãi Ngân hàng TMCP L yêu cầu bà N trả cao hơn số tiền lãi thực tế bà N phải trả là 7.281.674 đồng (83.712.295 đồng - 76.430.621 đồng). Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận số tiền lãi vượt quá 7.281.674 đồng của

Ngân hàng TMCP L nên ngân hàng phải chịu tiền án phí đối với số tiền lãi không được chấp nhận. Đồng thời, ý kiến bà N xin trả số tiền lãi 10.000.000đ (mười triệu đồng) cũng không được chấp nhận.

[2.3] Đối với các khoản phí: Ngân hàng TMCP L xin rút toàn bộ số tiền phí yêu cầu bà N trả là 137.353.014 đồng. Đây là ý chí tự nguyện của ngân hàng, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ phần yêu cầu tính phí của ngân hàng.

Từ những phân tích trên, số tiền Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bà N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP L là: 126.275.491đ (một trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi lăm ngàn, bốn trăm chín mươi một đồng), tạm tính đến ngày 29/4/2025; trong đó: Nợ gốc 49.844.870 đồng, nợ lãi 76. 430.621 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/4/2025), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc 49.844.870 đồng chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng và Bản chấp thuận kèm Biểu lãi cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Mai Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP L được Hội đồng xét xử chấp nhận là: $126.275.491đ \times 5\% = 6.313.774đ$ (sáu triệu, ba trăm mười ba ngàn, bảy trăm bảy mươi bốn đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu tiền lãi không được Hội đồng xét xử chấp nhận là: $7.281.674đ \times 5\% = 364.083đ$ (ba trăm sáu mươi bốn ngàn, không trăm tám mươi ba đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.925.789 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0009363 ngày 25/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Khoản 15 Điều 4, Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100, Điều 103, Điều 210 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024. Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án. Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần L đối với bị đơn bà Mai Thị N về việc “*Tranh chấp hợp đồng thế tín dụng*”.

- Đình chỉ phần yêu cầu tính phí với số tiền 137.353.014 đồng của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần L đối với bị đơn bà Mai Thị N.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tiền lãi với số tiền 7.281.674đ (bảy triệu, hai trăm tám mươi một ngàn, sáu trăm bảy mươi bốn đồng) của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L đối với bị đơn bà Mai Thị N.

2. Tuyên xử:

2.1. Buộc bà Mai Thị N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần L tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 29/4/2025 là: 126.275.491đ (một trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi lăm ngàn, bốn trăm chín mươi một đồng); trong đó, nợ gốc là: 49.844.870 đồng, nợ lãi là: 76.430.621 đồng.

2.2 Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày 30/4/2025 bà Mai Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc 49.844.870 đồng chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại giấy đề nghị mở thẻ kiêm hợp đồng và Bản chấp thuận kèm Biểu lãi cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Mai Thị N phải chịu 6.313.774đ (sáu triệu, ba trăm mười ba ngàn, bảy trăm bảy mươi bốn đồng).

Buộc Ngân hàng Thương mại cổ phần L phải chịu 364.083đ (ba trăm sáu mươi bốn ngàn, không trăm tám mươi ba đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.925.789 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0009363 ngày 25/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L số tiền là 5.561.706đ (năm triệu, năm trăm sáu mươi một ngàn, bảy trăm lẻ sáu đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, ngày 29/4/2025.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

*hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án;
Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án
dân sự.*

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Đường sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Anh